



Name:.....

Class: 1Q....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH
(11/10 - 15/10/2021)

Nội dung tuần 2 tháng 10 môn Tiếng Anh

Kiểm tra giữa học kì 1.

Thứ 2	Kiểm tra nói
Thứ 3	Kiểm tra nói
Thứ 4	Kiểm tra nói
Thứ 5	Ôn tập
Thứ 6	Kiểm tra nghe, đọc, viết

Nội dung tuần 2 tháng 10 môn WB, GSP

WB	Naming feelings Chuẩn bị: Phiếu môn Wellbeing
GSP	Project: Create a class recipe book Lesson 1: Curiosity Chuẩn bị: Phiếu môn Global Skills Project

OXFORD



BRIGHT IDEAS

Sign in

Sign in using your [Oxford ID](#)

Username

Password

[Forgotten your password?](#)

Sign in

Register

Don't have an Oxford ID account?
Create one now with your [access code](#) for Bright Ideas Online Practice.

Register

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

**Bố mẹ vui lòng vào TK Bright Ideas đã được gửi,
đăng nhập và mở bài cho con.**

Nội dung bài về nhà thứ 2 (11/10)

1. Con vào Apps Online Practice , mở Unit 1 và làm phần sau:

Grammar 1

- ✔ Activity 1 Grammar
- ✔ Activity 2 Grammar
- ✔ Activity 3 Grammar

Vocabulary and story

- ✔ Activity 1 Vocabulary
- ✔ Activity 2 Vocabulary
- ✔ Activity 3 Vocabulary

Grammar 2

- ✔ Activity 1 Grammar
- ✔ Activity 2 Speaking
- ✔ Activity 3 Grammar
- ✔ Activity 4 Grammar

2. Con luyện nói I-speak 6

Con hãy chọn một cuốn sách dự thi trong cuộc thi Big Read.



Nội dung bài về nhà thứ 3 (12/10)

1. Con vào Apps Online Practice , mở Unit 1 và làm bài các phần sau:

Cross-curricular

- ✓ Activity 1 Cross-curricular
- ✓ Activity 2 Cross-curricular
- ✓ Activity 3 Cross-curricular

Literacy and culture

- ✓ Activity 1 Reading
- ✓ Activity 2 Reading
- ✓ Activity 3 Writing

Sounds and speaking

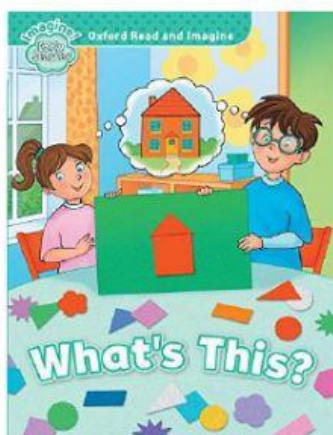
- ✓ Activity 1 Speaking
- ✓ Activity 2 Speaking

The Big Question review

- ✓ Activity 1 Grammar
- ✓ Activity 2 Vocabulary
- ✓ Activity 3 Vocabulary

2. Con luyện nói I-speak 6

Con đọc cuốn sách mà con lựa chọn trong cuộc thi Big Read.



(Hạn nộp bài 15/10)

CHUẨN BỊ CHO MÔN HỌC WELLBEING

Week 6: Naming feelings

Từ vựng: happy, sad, angry, scared, tired, silly, calm

Ngữ pháp: I am _____ at home.

I am _____ at school.

I am _____ with friends.

VIDEO: FEELINGS – ARE YOU HAPPY?

VIDEO: FEELINGS AND EMOTION SONG FOR KIDS

CHUẨN BỊ CHO MÔN HỌC GLOBAL SKILLS PROJECTS

Dự án 1: Tạo cuốn sách thực đơn

Mục tiêu: Con tiếp tục ôn tập về food/fruits, likes/ don't like food, khơi gợi tính tò mò tìm hiểu một số loại quả (nguồn gốc, hương vị,)

Từ vựng: recipe, ingredients

Grammar: I like ____.

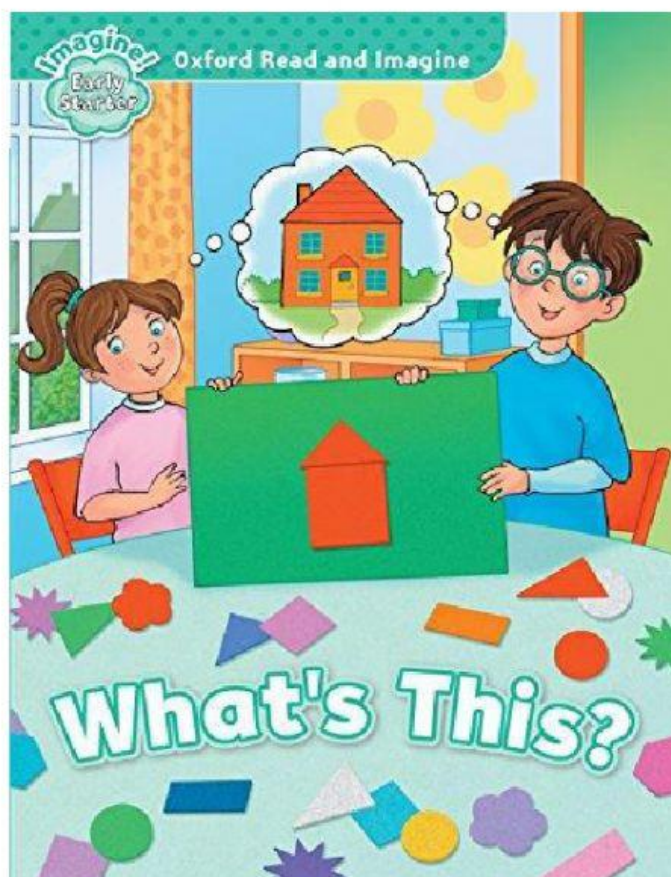
She/ He likes ____.

VIDEO: WHERE DO FRUITS AND VEGETABLES COME FROM?

Nội dung bài về nhà thứ 4 (13/10)

1. Con luyện nói I-speak 6

Con hãy đọc hoặc nói mô tả về cuốn sách mà con lựa chọn trong cuộc thi Big Read.



(Danh sách truyện đọc, con hãy chọn 1 cuốn dưới đây)

1. What's This?
2. The Picnic
3. Spider, Spider
4. At the Zoo
5. Clunk Draws a Picture
6. One, Two, Three
7. Where's My Hat?
8. A Rainy Day
9. I'm Sorry
10. In the Snow
11. The Cake Machine
12. Crocodile in the House

(Hạn nộp bài 15/10)

Nội dung bài về nhà thứ 5 (14/10)

1. Con vào Apps Online Practice , mở Unit 2 và làm bài các phần sau:

The Big Question

- ✔ Activity 1 **Listening**
- ✔ Activity 2 **Listening**
- ✔ Activity 3 **Reading**

Vocabulary and song

- ✔ Activity 1 **Vocabulary**
- ✔ Activity 2 **Vocabulary**
- ✔ Activity 3 **Vocabulary**

Grammar 1

- ✔ Activity 1 **Grammar**
- ✔ Activity 2 **Grammar**
- ✔ Activity 3 **Grammar**

2. Con tiếp tục luyện nói/ đọc sách I-speak 6 và gửi bài lên facebook.

Nội dung bài về nhà thứ 6 (15/10)

1. Con vào Apps Online Practice , mở Unit 1 và làm bài các phần sau:

Vocabulary and story

- ✓ Activity 1 Vocabulary
- ✓ Activity 2 Vocabulary
- ✓ Activity 3 Vocabulary

Grammar 2

- ✓ Activity 1 Grammar
- ✓ Activity 2 Speaking
- ✓ Activity 3 Grammar
- ✓ Activity 4 Grammar

Cross-curricular

- ✓ Activity 1 Cross-curricular
- ✓ Activity 2 Cross-curricular
- ✓ Activity 3 Cross-curricular

2. Con tiếp tục luyện nói/ đọc sách I-speak 6 và nộp bài lên facebook.

Hạn nộp hôm nay 15/10

3. Con nộp bài tập trang 1 môn Wellbeing lên facebook.

Naming Feelings

Read, match, write and trace.

happy		_____
sad		_____
tired		_____
silly		_____
angry		_____
scared		_____
calm		_____

4. Con nộp bài tập trang 1 môn Global Skills Projects lên facebook.

THE OXFORD INTERNATIONAL CURRICULUM

Global Skills Projects

Fruit: Likes and Dislikes

My name: _____

A fruit I like is: _____

Draw a picture of the fruit you like here:



A fruit I do not like very much is: _____

Draw a picture of the fruit you do not like here:



Year 1, Term 3, Week 6, Project Lesson 1
© Oxford University Press 2020

OXFORD

Chúc các con học tốt!